

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
GARMEX SÀI GÒN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số : 20 /CBTT-2022

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2022

## **CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỶ**

**Kính gửi:** - Ủy ban chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

1. Tên tổ chức : **CÔNG TY CỔ PHẦN GARMEX SÀI GÒN**

- Mã chứng khoán : **GMC**
- Địa chỉ : 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Tp.Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên hệ : 028 39844822 Fax: 028 39844746
- E-mail: headoffice@garmexjs.com website: <https://www.garmex.vn>

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn công bố Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất Quý 4 năm 2021

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 29/01/2022 tại đường dẫn <https://www.garmex.vn/vi/quan-he-co-dong/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Tài liệu đính kèm :**

- Báo cáo tài chính riêng Quý 4/2021
- Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4/2021



**Đại diện tổ chức**  
Người được ủy quyền CBTT  
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

**NGUYỄN MINH HẰNG**



**CÔNG TY CỔ PHẦN GARMEX SÀI GÒN**  
252 NGUYỄN VĂN LƯỢNG, P.17, Q. GÒ VẤP, TP.HCM  
MST : 0300742387

***BÁO CÁO TÀI CHÍNH***  
***QUÍ IV NĂM 2021***



## MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
<b>BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC</b>	
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG</b>	
- Bảng cân đối kế toán riêng	1-4
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	5
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	6-7
- Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	8-30

**Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn**

Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>	<b>606,626,694,781</b>	<b>1,007,181,594,339</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>331,278,968,878</b>	<b>571,950,296,562</b>
1. Tiền	111	331,278,968,878	571,950,296,562
2. Các khoản tương đương tiền	112	-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>191,713,475,110</b>	<b>185,564,108,041</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	235,820,845,071	224,867,196,745
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5,044,830,920	7,197,258,459
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	367,728,116	284,819,765
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(49,519,928,997)	(46,785,166,928)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>63,219,972,466</b>	<b>233,470,654,249</b>
1. Hàng tồn kho	141	63,261,959,295	240,277,592,155
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	(41,986,829)	(6,806,937,906)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>20,414,278,327</b>	<b>16,196,535,487</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	1,322,200,781	1,878,642,773
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	15,845,412,285	14,317,892,714
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	3,246,665,261	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154	-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155	-	-

**Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn**

Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/12/2021

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>	<b>226,658,820,379</b>	<b>210,911,854,896</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>	-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213	-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214	-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>76,183,461,503</b>	<b>80,838,909,880</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	74,933,467,019	79,269,761,542
- Nguyên giá	222	257,106,562,666	251,705,849,092
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(182,173,095,647)	(172,436,087,550)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	-	-
- Nguyên giá	225	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226	-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	1,249,994,484	1,569,148,338
- Nguyên giá	228	6,018,865,523	6,018,865,523
- Giá trị hao mòn lũy kế	229	(4,768,871,039)	(4,449,717,185)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	-	-
- Nguyên giá	231	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232	-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>24,771,167,304</b>	<b>13,130,494,545</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	24,771,167,304	13,130,494,545
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>110,321,894,330</b>	<b>100,743,524,574</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	102,700,000,000	102,700,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	4,341,000,000	4,341,000,000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	15,395,180,000	15,395,180,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	(12,114,285,670)	(21,692,655,426)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>15,382,297,242</b>	<b>16,198,925,897</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13,163,781,634	12,435,761,096
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	2,218,515,608	3,763,164,801
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268	-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>	<b>833,285,515,160</b>	<b>1,218,093,449,235</b>

**Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn**

Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/12/2021

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>	<b>175,571,786,954</b>	<b>594,854,133,083</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>167,168,455,531</b>	<b>585,833,713,583</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	116,535,826,129	150,168,726,661
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5,006,176,025	3,429,687,611
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	7,161,109,353	4,529,621,132
4. Phải trả người lao động	314	31,519,650,507	53,208,735,776
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4,534,633,503	6,053,005,907
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317	-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	1,620,308,538	2,628,703,063
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	-	364,417,918,906
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	790,751,476	1,397,314,527
13. Quỹ bình ổn giá	323	-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324	-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	<b>8,403,331,423</b>	<b>9,020,419,500</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334	-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335	-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339	-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340	-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	-	-
1. Dự phòng phải trả dài hạn	342	8,403,331,423	9,020,419,500
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	-	-

**Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn**

Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/12/2021

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>657,713,728,206</b>	<b>623,239,316,152</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>657,713,728,206</b>	<b>623,239,316,152</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	330,002,590,000	300,052,800,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	330,002,590,000	300,052,800,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b	-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	72,687,827,370	72,687,827,370
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413	-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	(863,138,686)	(863,138,686)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	67,754,774,402	67,754,774,402
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	188,131,675,120	183,607,053,066
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a	153,657,263,066	130,119,307,910
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b	34,474,412,054	53,487,745,156
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422	-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432	-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>833,285,515,160</b>	<b>1,218,093,449,235</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 1 năm 2022


Trần Thị Thu Trâm  
Người lập

Trần Thị Mỹ Hạnh  
Kế toán trưởngLê Hùng  
Tổng Giám đốc

**Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn**

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/12/2021


**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**


Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/12/2021


Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán kết thúc Quý IV năm 2021	Cho kỳ kế toán kết thúc Quý IV năm 2020	Lũy kế 12 tháng Năm 2021	Lũy kế 12 tháng Năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	266,785,760,515	365,147,784,158	1,069,651,982,065	1,487,788,107,182
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	374,058,000	-	395,745,150
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		266,785,760,515	364,773,726,158	1,069,651,982,065	1,487,392,362,032
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	217,678,678,450	319,601,708,547	946,683,335,374	1,293,994,689,278
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		49,107,082,065	45,172,017,611	122,968,646,691	193,397,672,754
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	3,612,267,576	2,986,610,065	17,051,964,858	11,548,066,095
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	(447,408,775)	(3,779,575,672)	11,985,732,479	32,642,595,120
Trong đó: chi phí lãi vay	23		9,494,250	1,913,992,735	3,398,903,219	8,120,811,733
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	794,384,966	2,503,364,393	7,521,953,741	12,197,488,807
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	14,910,704,279	18,438,628,869	80,175,547,594	95,621,372,736
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		37,461,669,171	30,996,210,086	40,337,377,735	64,484,282,186
11. Thu nhập khác	31	VI.8	1,677,753,033	70,555,879	3,927,044,858	2,552,791,210
12. Chi phí khác	32	VI.9	-	-	-	3,261,909
13. Lợi nhuận khác	40		1,677,753,033	70,555,879	3,927,044,858	2,549,529,301
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		39,139,422,204	31,066,765,965	44,264,422,593	67,033,811,487
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	6,556,846,178	4,616,999,672	8,245,361,346	10,978,017,657
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		1,010,761,351	1,275,295,455	1,544,649,193	2,568,048,674
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		31,571,814,675	25,174,470,838	34,474,412,054	53,487,745,156

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 1 năm 2022

  
 Trần Thị Thu Trâm  
 Người lập

  
 Trần Thị Mỹ Hạnh  
 Kế toán trưởng

  
 Lê Hùng  
 Tổng Giám đốc


**Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn**

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/12/2021

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Cho kỳ kế toán 12	Cho kỳ kế toán 12
		tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	44,264,422,593	67,033,811,487
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	14,523,064,650	16,015,302,175
- Các khoản dự phòng	03	(14,225,646,841)	10,450,771,438
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	2,784,696,528	2,732,041,336
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(282,549,447)	(1,829,097,076)
- Chi phí lãi vay	06	3,398,903,219	8,120,811,733
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	50,462,890,702	102,523,641,093
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(13,602,309,349)	56,275,296,915
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	177,015,632,860	84,201,438,507
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(56,023,796,772)	(110,261,576,758)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(171,578,546)	(248,988,848)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(3,476,185,487)	(8,216,832,166)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5,473,911,744)	(13,404,392,167)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(606,563,051)	(7,563,253,214)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>148,124,178,613</b>	<b>103,305,333,362</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(22,900,135,398)	(10,199,616,719)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	245,353,555	1,525,285,950
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	37,195,892	307,073,035
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(22,617,585,951)</b>	<b>(8,367,257,734)</b>

**Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn**

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

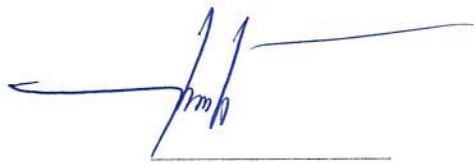
Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/12/2021

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Cho kỳ kế toán 12	Cho kỳ kế toán 12
		tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	133,527,255,000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	351,081,721,634	844,756,929,173
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(715,499,640,540)	(730,360,355,435)
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(364,417,918,906)</b>	<b>247,923,828,738</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(238,911,326,244)</b>	<b>342,861,904,366</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>571,950,296,562</b>	<b>229,769,985,766</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(1,760,001,440)	(681,593,570)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>331,278,968,878</b>	<b>571,950,296,562</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 1 năm 2022


Trần Thị Thu Trâm  
Người lập

Trần Thị Mỹ Hạnh  
Kế toán trưởngLê Hùng  
Tổng Giám đốc

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/12/2021

### I. Đặc điểm hoạt động của công ty

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa từ một doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Sản xuất - Xuất Nhập khẩu May Sài Gòn theo Quyết định số 1663/QĐ-UB ngày 5 tháng 5 năm 2003 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hiện đang hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0300742387 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07 tháng 01 năm 2004, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 330,002,590,000 VND

Vốn góp của Công ty tại ngày 31/12/2021 là: 330,002,590,000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại 252 Nguyễn Văn Lượng, P.17, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

-May trang phục ( trừ trang phục từ da lông thú).Chi tiết : Công nghiệp may, sản phẩm chính : quần áo may sẵn các loại.

-Đại lý,môi giới, đầu giá, Chi tiết : Môi giới thương mại

-Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.Chi tiết : Kinh doanh vật tư, máy móc thiết bị ngành may

-Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc quyền sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết : Đầu tư kinh doanh siêu thị và dịch vụ cho thuê văn phòng, cửa hàng. Kinh doanh nhà, cho thuê xưởng

-Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết ; Kinh doanh nguyên phụ liệu phục vụ ngành may

-Hoạt động tư vấn quản lý .Chi tiết :Tư vấn kinh doanh; Kinh doanh dịch vụ giao nhận xuất khẩu, nhập khẩu;

-Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác.Chi tiết : Công nghiệp dệt len các loại;

-Hoàn thiện sản phẩm dệt,Chi tiết : Dịch vụ giặt, tẩy ( không hoạt động tại trụ sở)

-Sản xuất vải dệt thoi.Chi tiết : Công nghiệp dệt vải các loại;

-Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết : Dịch vụ vận tải;

-Vận tải hành khách đường bộ khác;

-Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Chi tiết: Bán lẻ quần áo, giày dép, đồ dùng, hàng ngũ kim, mỹ phẩm, đồ trang sức, đồ chơi, đồ thể thao;

-Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;

-Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

#### 4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

#### 5. Cấu trúc Công ty

Cơ cấu tổ chức của Công ty bao gồm 3 công ty con trực tiếp và 1 công ty con gián tiếp với chi tiết như sau:

Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 03 công ty

Tổng số các công ty con đầu tư trực tiếp: 3 công ty.

Tổng số các công ty con đầu tư gián tiếp: 1 công ty.

Tổng số các công ty con đầu tư trực tiếp được hợp nhất: 03 công ty.

#### Danh sách các Công ty con được hợp nhất:

- (1) Công ty TNHH Garmex Quảng Nam

+ Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lượng, P.17, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%

+ Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

- (2) Công ty TNHH May Tân Mỹ □

+ Địa chỉ: Cụm CN, TTCN Hắc Dịch, Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu.

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%

+ Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

- (3) Công ty TNHH Sài Gòn - Tường Long

+ Địa chỉ: Số 5 Đại Lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, Thị Xã Bình Dương, Tỉnh Bình Dương

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/12/2021

- + Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 51%
  - + Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51%
  - + Theo Nghị Quyết số 34/NQ-HĐQT/2020 đã được công bố ngày 20/07/2020 của HĐQT Công ty Cổ Phần Garmex Sài Gòn về chủ trương giải thể Công TY TNHH Sài Gòn Tường Long. Theo đó Công Ty TNHH Sài Gòn Tường Long đã ngừng hoạt động và đang tiến hành thủ tục giải thể
  - (4) Blue Saigon LLC
    - + Địa chỉ: Số 11100 Đường Valley Boulevard, Phòng 222, Thành Phố El Monte, tiểu bang California, mã số bưu điện CA91731, Hoa Kỳ.
    - + Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%
    - + Quyền biểu quyết gián tiếp của Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn: 100%
    - + Đang trong quá trình tái cấu trúc và tạm thời ngưng hoạt động
- II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
- 1. Hình thức sổ kế toán áp dụng**  
Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.
  - 2. Kỳ kế toán**  
Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
  - 3. Đơn vị tiền tệ**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).
- III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán**
- 1. Chế độ kế toán**  
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.
  - 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**  
Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.
- IV. Các chính sách kế toán áp dụng**
- 1. Tiền**  
Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.
  - 2. Các khoản phải thu**  
Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.  
  
Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.
  - 3. Hàng tồn kho**  
Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.  
  
Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:  
**Nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ:** chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.  
**Thành phẩm và chi phí sản xuất dở dang:** giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.  
**Dự phòng giảm giá hàng tồn kho**  
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/12/2021

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### 4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### 5. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### 6. Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	: 5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	: 3 - 8 năm
Phương tiện vận tải	: 6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	: 3 - 8 năm
Phần mềm máy tính	: 4 - 8 năm

#### 7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh.

#### 8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê lại đất ký với Công ty Cổ phần Phú Mỹ số 02/HĐ-ITĐ vào ngày 26 tháng 10 năm 2007 trong thời hạn 43 năm. Khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê theo hướng dẫn của Thông tư 45 do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 về quản lý, sử dụng và khấu hao tài sản cố định.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/12/2021

### 9. Các khoản đầu tư

#### Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

#### Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

#### Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

#### Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

### 10. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### 11. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

### 12. Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/12/2021

### 13. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế có thể được chia cho cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và được các cổ đông phê duyệt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên:

„*Quỹ đầu tư phát triển* : Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

„*Quỹ khen thưởng, phúc lợi* : Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được ghi nhận như là một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

### 14. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

#### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

#### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

#### Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

#### Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

#### Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

### 15. Thuế

#### Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

60  
0  
0  
A  
A  
P-

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/12/2021

### Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

+ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

+ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các Công ty con, Công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

+ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

+ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm kế toán khi tài Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ

### 16. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

74  
NG  
PH  
RN  
C  
TP.

**Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn**

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/12/2021

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/12/2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm/kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	39,237,605	176,065,928
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	331,239,731,273	571,774,230,634
<b>Cộng</b>	<b>331,278,968,878</b>	<b>571,950,296,562</b>

**2. Các khoản đầu tư tài chính**

	Số cuối năm/kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>102,700,000,000</b>	<b>(6,883,152,961)</b>	<b>95,816,847,039</b>	<b>102,700,000,000</b>	<b>(16,461,522,717)</b>	<b>86,238,477,283</b>
Công ty TNHH May Tân Mỹ (100% vốn)	15,000,000,000	(5,421,630,244)	9,578,369,756	15,000,000,000	(15,000,000,000)	-
Công ty TNHH Garmex - Quảng Nam ( 100% vốn)	86,000,000,000	-	86,000,000,000	86,000,000,000	-	86,000,000,000
Công ty TNHH Sài Gòn - Trường Long (51% vốn)	1,700,000,000	(1,461,522,717)	238,477,283	1,700,000,000	(1,461,522,717)	238,477,283
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>4,341,000,000</b>	<b>(2,271,587,709)</b>	<b>2,069,412,291</b>	<b>4,341,000,000</b>	<b>(2,271,587,709)</b>	<b>2,069,412,291</b>
Công ty Cổ phần Phú Mỹ (32.67% vốn)	4,341,000,000	(2,271,587,709)	2,069,412,291	4,341,000,000	(2,271,587,709)	2,069,412,291
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>15,395,180,000</b>	<b>(2,959,545,000)</b>	<b>12,435,635,000</b>	<b>15,395,180,000</b>	<b>(2,959,545,000)</b>	<b>12,435,635,000</b>
NHNT Vietcombank (25.266 * 50.254)	1,269,730,000	-	1,269,730,000	1,269,730,000	-	1,269,730,000
NHTM CP Việt Á (196.855+10.846CPT) = 207.701 *20.310	3,998,050,000	(2,959,545,000)	1,038,505,000	3,998,050,000	(2,959,545,000)	1,038,505,000
Công ty CP Đầu tư Phát Triển Gia Định ( 843.950CP)	10,127,400,000	-	10,127,400,000	10,127,400,000	-	10,127,400,000
<b>Cộng</b>	<b>122,436,180,000</b>	<b>(12,114,285,670)</b>	<b>110,321,894,330</b>	<b>122,436,180,000</b>	<b>(21,692,655,426)</b>	<b>100,743,524,574</b>

**Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Kỳ /Năm nay	Kỳ /Năm trước
Số đầu năm	(21,692,655,426)	(9,011,655,371)
Trích lập dự phòng bổ sung	9,578,369,756	(12,681,000,055)
<b>Số cuối năm/kỳ</b>	<b>(12,114,285,670)</b>	<b>(21,692,655,426)</b>

**Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn**

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/12/2021

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/12/2021

**3. Phải thu ngắn hạn/dài hạn của khách hàng****3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<b>165,268,894,528</b>	<b>91,730,150,987</b>
Blue Sai gon LLC	45,851,131,128	46,651,095,658
CÔNG TY TNHH GARMEX QUẢNG NAM	129,694,542	3,648,825,101
CÔNG TY TNHH MAY TÂN MỸ	583,783,040	9,345,904,015
CTY CP SXKD XNK BÌNH THẠNH(GILIMEX)	118,704,285,818	32,084,326,213
<i>Phải thu các khách hàng khác (10%)</i>	<b>70,551,950,543</b>	<b>133,137,045,758</b>
COLUMBIA SPORTSWEAR CO.(HK) LTD	4,565,828,949	72,231,382,993
PROMILES S.N.C	57,559,366,600	55,751,336,617
SPORTMASTER LTD	6,785,613,483	-
CTY CP ĐẦU TƯ VĨ THƯƠNG MẠI TNG	13,227,163	-
NEW WAVE GROUP SA	-	1,947,461,594
TOPO DESIGNS	448,003,262	948,889,508
TEIJIN FRONTIER CO., LTD	1,041,738,848	24,555,079
OUTFIT INTERNATIONAL A/S	-	2,068,107,869
Công ty TNHH JSP Việt Nam	133,066,217	133,066,217
CÔNG TY TNHH TEIJIN FRONTIER VIỆT NAM	-	27,139,860
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN CÔNG NGHỆ NI LÀ BÈ	4,100,968	4,100,968
CÔNG TY TNHH SỸ NAM	1,005,053	1,005,053
<b>Cộng</b>	<b><u>235,820,845,071</u></b>	<b><u>224,867,196,745</u></b>

**Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn**

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/12/2021

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/12/2021

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn/dài hạn**

<i>Trả trước cho người bán :</i>	<b>5,044,830,920</b>	<b>7,197,258,459</b>
CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC LẠC VIỆT	741,727,000	748,727,000
XIAMEN WINTEX TEXTILE CO.,LTD	-	-
TRUNG TÂM THIẾT BỊ PCCC 4/10	1,721,003,340	1,734,753,340
SHANGHAI WEIXING INTERNATIONAL TRADING CO. LTD	5,844,516	-
W.L. GORE & ASSOCIATES (HONG KONG) LTD	-	2,202,437,737
CÔNG TY LUẬT TNHH MTV CÔNG HÙNG VÀ CỘNG SỰ	-	200,000,000
CÔNG TY TNHH MTV PT CN MT BÁCH KHOA	-	11,000,000
FASHION GOING (HK) CO.,LTD	-	53,257,019
CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ XÂY DỰNG NHÃN HÒA	-	145,200,000
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI KIẾN AN	226,187,720	35,418,400
FOV FABRICS AB	-	59,420,209
CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC MỸ PHÚ	125,400,000	-
SHANGHAI KIYI INTERNATIONAL TRADE CO., LTD.	-	3,956,294
CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VIỆT TIẾN CAD	-	-
CTY TNHH SX DV TM CÁCH KIỆM	75,000,000	75,000,000
CÔNG TY TNHH THẨM ĐỊNH GIÁ CHUẨN VIỆT	88,500,000	88,500,000
DEZHOU JUNXIANG TEXTILES CO., LTD	-	20,189,309
Các nhà cung cấp khác	<b>2,061,168,344</b>	<b>1,819,399,151</b>
Cộng	<b>5,044,830,920</b>	<b>7,197,258,459</b>

**Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn**

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/12/2021

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/12/2021

**5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**

	Số cuối năm/kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	287,960,730		110,584,615	
PHAN THỊ PHƯƠNG	287,960,730		110,584,615	
Tạm ứng	79,767,386		174,235,150	
NGUYỄN HẢI LINH	2,514,270		-	
ĐÀO DUY TUẤN	40,000,000		-	
NGUYỄN THỊ MỸ TRANG	-		100,000,000	
NGUYỄN THỊ HƯƠNG LAN	13,640,000		-	
PHẠM THỊ HOÀNG ANH	-		17,000,000	
TRẦN AN THĂNG	-		10,000,000	
TRẦN NGỌC THANH BÌNH	-		5,650,000	
Nguyễn Trí Hiếu	15,800,000		9,000,000	
Các tạm ứng khác	7,813,116		32,585,150	
<b>Cộng</b>	<b>367,728,116</b>	<b>-</b>	<b>284,819,765</b>	<b>-</b>

**6. Nợ xấu**

	Số cuối năm/kỳ		Giá trị có thể thu hồi	Số đầu năm	
	Dự phòng	Giá gốc		Dự phòng	Giá gốc
Blue Saigon LLC	(45,851,131,128)	45,851,131,128	-	(46,651,095,658)	46,651,095,658
Công ty TNHH JSP Việt Nam	(133,066,217)	133,066,217	-	(133,066,217)	133,066,217
CÔNG TY TNHH SỸ NAM	(1,005,053)	1,005,053	-	(1,005,053)	1,005,053
TOPO DESIGNS	(3,534,726,599)	3,534,726,599	-	-	-
<b>Số cuối năm/kỳ</b>	<b>(49,519,928,997)</b>	<b>49,519,928,997</b>	<b>-</b>	<b>(46,785,166,928)</b>	<b>46,785,166,928</b>

**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm/kỳ		Giá gốc	Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng		Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	34,747,330,236	-	144,411,229,621	(3,305,758,200)	
Công cụ, dụng cụ	506,503,767		666,821,176		
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	15,766,366		1,582,353,817		
Thành phẩm	27,992,358,926	(41,986,829)	93,617,187,541	(3,501,179,706)	
<b>Cộng</b>	<b>63,261,959,295</b>	<b>(41,986,829)</b>	<b>240,277,592,155</b>	<b>(6,806,937,906)</b>	
	<b>Kỳ/Năm nay</b>		<b>Kỳ/ Năm trước</b>		
Số đầu năm	(6,806,937,906)		(7,956,269,873)		
Tiêu hủy nguyên phụ liệu-thành phẩm	6,255,724,993		-		
Hoàn nhập dự phòng Thành phẩm	509,226,084		375,325,808		
<b>Số cuối năm/kỳ</b>	<b>(41,986,829)</b>		<b>(7,580,944,065)</b>		

**8. Chi phí trả trước****8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm/kỳ	Số đầu năm
Chi phí phần mềm	16,718,667	192,649,167
Máy móc thiết bị		-
Chi phí sửa chữa	477,805,890	556,510,247
Công cụ, dụng cụ	619,750,176	94,594,406
Chi phí phân bổ	207,926,048	1,034,888,953
<b>Cộng</b>	<b>1,322,200,781</b>	<b>1,878,642,773</b>

**8b. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối năm/kỳ	Số đầu năm
Quyền SD đất	7,899,553,489	8,134,193,692
Máy móc thiết bị	1,678,690,476	340,663,652
Chi phí sửa chữa	5,524,167	131,589,253
Công cụ, dụng cụ	3,561,550,763	3,785,350,124
Phần mềm	18,462,739	43,964,375
<b>Cộng</b>	<b>13,163,781,634</b>	<b>12,435,761,096</b>

**Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn**

252 Nguyễn Văn Lương, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/12/2021

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/12/2021

**9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	114,633,412,018	110,876,220,226	12,022,692,135	14,173,524,713	251,705,849,092
- Mua trong kỳ	444,853,650	8,291,982,623	484,000,000	646,780,000	9,867,616,273
- Thanh lý, nhượng bán		(3,905,362,303)		(561,540,396)	(4,466,902,699)
<b>Số cuối năm/kỳ</b>	<b>115,078,265,668</b>	<b>115,262,840,546</b>	<b>12,506,692,135</b>	<b>14,258,764,317</b>	<b>257,106,562,666</b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	23,991,793,059	81,220,778,655	8,311,361,225	9,758,412,076	123,282,345,015
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	53,369,242,435	97,433,484,279	10,265,859,642	11,367,501,194	172,436,087,550
Khấu hao trong năm/kỳ	4,212,447,154	7,575,570,874	898,296,860	1,517,595,908	14,203,910,796
Thanh lý		(3,905,362,303)		(561,540,396)	(4,466,902,699)
<b>Số cuối năm/kỳ</b>	<b>57,581,689,589</b>	<b>101,103,692,850</b>	<b>11,164,156,502</b>	<b>12,323,556,706</b>	<b>182,173,095,647</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	61,264,169,583	13,442,735,947	1,756,832,493	2,806,023,519	79,269,761,542
<b>Số cuối năm/kỳ</b>	<b>57,496,576,079</b>	<b>14,159,147,696</b>	<b>1,342,535,633</b>	<b>1,935,207,611</b>	<b>74,933,467,019</b>

**Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn**

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/12/2021

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/12/2021

**10. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu, tên thương mại	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	-	-	-	6,018,865,523	6,018,865,523
Mua trong năm/kỳ	-	-	-	-	-
Tặng khác (ghi cụ thể)	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác (ghi cụ thể)	-	-	-	-	-
<b>Số cuối năm/kỳ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>6,018,865,523</b>	<b>6,018,865,523</b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-	3,546,134,623	3,546,134,623
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	-	-	-	4,449,717,185	4,449,717,185
Khấu hao trong năm/kỳ	-	-	-	319,153,854	319,153,854
<b>Số cuối năm/kỳ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>4,768,871,039</b>	<b>4,768,871,039</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	-	-	-	1,569,148,338	1,569,148,338
<b>Số cuối năm/kỳ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1,249,994,484</b>	<b>1,249,994,484</b>

**Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn**

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/12/2021

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/12/2021

**11. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn**

	Số cuối năm/kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Cộng	-	-	-	-

**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm/kỳ	Kết chuyển giảm khác	Cộng
Mua sắm tài sản cố định	-	-	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	13,130,494,545	11,946,562,847	305,890,088	24,771,167,304
Tiền đất tại 213 Hồng Bàng	10,020,000,000	-	-	10,020,000,000
Tiền đất xây dựng nhà ở công nhân tại hai (2) thửa đất số 479 và 450 tọa lạc tại Tổ 8, Ấp Trảng Cát, Xã Hắc Dịch, H.Tân Thành, T.BR - VT	1,843,383,000	-	-	1,843,383,000
Xây dựng cơ bản 213 Hồng Bàng	1,267,111,545	9,888,770,408	-	11,155,881,953
Xây dựng cơ bản văn phòng công ty	-	36,304,545	-	36,304,545
Hệ thống điện nhà xưởng An Nhơn	-	1,072,169,572	-	1,072,169,572
Hệ thống điện nhà xưởng An Phú	-	949,318,322	305,890,088	643,428,234
<b>Cộng</b>	<b>13,130,494,545</b>	<b>11,946,562,847</b>	<b>305,890,088</b>	<b>24,771,167,304</b>

**13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

**13a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận**

	Số thuế đầu năm	Số căn cứ tính thuế	Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm/kỳ	Bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	Số căn cứ tính thuế	Số cuối năm/kỳ
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	3,763,164,801	18,815,824,007	163,961,826	(1,708,611,019)	8,543,055,093	2,218,515,608
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	1,959,080,901	9,795,404,507	-	(1,421,231,577)	7,106,157,885	537,849,324
Dự phòng quỹ lương trợ cấp nghỉ việc và lương phép 2021	1,804,083,900	9,020,419,500	163,961,826	(287,379,442)	1,436,897,208	1,680,666,284
<b>Cộng</b>	<b>3,763,164,801</b>	<b>18,815,824,007</b>	<b>163,961,826</b>	<b>(1,708,611,019)</b>	<b>8,543,055,093</b>	<b>2,218,515,608</b>

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến chi tiết phát sinh trong năm/kỳ như sau:

	Kỳ này/Năm nay	Kỳ này/Năm trước
Số đầu năm	3,763,164,801	6,331,213,475
Ghi nhận tăng dự phòng quỹ lương thôi việc	163,961,826	88,728,784
Bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(1,708,611,019)	(1,381,482,003)
<b>Số cuối năm/kỳ</b>	<b>2,218,515,608</b>	<b>5,038,460,256</b>

**Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn**

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/12/2021

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/12/2021

**14. Phải trả người bán ngắn hạn/dài hạn***14a. Phải trả người bán ngắn hạn*

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<b>106,511,595,529</b>	<b>80,124,629,371</b>
CÔNG TY TNHH GARMEX QUẢNG NAM	92,714,738,886	76,830,446,308
CÔNG TY TNHH MAY TÂN MỸ	13,734,417,250	2,660,270,637
Blue Sai gon LLC	-	310,238,992
CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX	37,928,825	250,667,579
CTY CP SXKD XNK BÌNH THẠNH(GILIMEX)	24,510,568	73,005,855
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác :</i>	<b>5,481,160,803</b>	<b>45,819,781,367</b>
DESIPRO PTE LTD	13,964,239	9,086,289,436
CÔNG TY TNHH YKK VIỆT NAM	258,087,339	8,348,286,635
TEIJIN FRONTIER CO., LTD	4,819,263,256	8,906,053,356
CÔNG TY TNHH JD'T VIỆT NAM	14,399,213	1,521,297,628
CÔNG TY TNHH CN DỆT HUGE BAMBOO	-	3,925,416,197
HIT INSPIRE (XIAMEN) IMP & EXP CO., LTD	-	1,762,244,613
	-	-
VIETNAM PAIHO LTD	34,853,079	2,034,607,859
CÔNG TY TNHH IN THÊU TÂN HÙNG NGỌC	140,984,218	2,620,268,784
UNITEX INTERNATIONAL BUTTON CO.	9,127,661	991,841,143
AVERY DENNISON RIS VIET NAM CO., LIMITED	3,090,071	835,284,121
CÔNG TY TNHH QUANTERM LOGISTICS VIETNAM	14,312,130	254,977,928
CÔNG TY TNHH COATS PHONG PHÚ	61,287,323	2,372,810,461
CÔNG TY TNHH DALUEN (VIETNAM)	-	95,690,610
FORMOSA TAFFETA CO., LTD	-	2,589,408,761
CÔNG TY TNHH MAINETTI (VIỆT NAM)	111,792,274	475,303,835
Các nhà cung cấp khác	<b>4,543,069,797</b>	<b>24,224,315,923</b>
<b>Cộng</b>	<b><u>116,535,826,129</u></b>	<b><u>150,168,726,661</u></b>

**15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn/dài hạn***15a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn*

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Người mua trả tiền trước khác</i>	<b>5,006,176,025</b>	<b>3,429,687,611</b>
CÔNG TY TNHH HIB VINA	378,493	378,493
CÔNG TY TNHH IN THÊU TÂN HÙNG NGỌC	1,028,927	1,028,927
ONE SOURCE APPAREL	25,323,162	25,649,093
WERX DESIGNS	2,800,824	2,836,873
SOARTD PTY LTD	313,778,009	317,816,600
NEW WAVE GROUP SA	778,754,215	-
CHU THÀNH TRUNG	92,000,000	92,000,000
GAME GUARD	3,305,294,346	2,895,753,279
OUTFIT INTERNATIONAL A/S	393,791,041	-
KANE TOP	11,647,944	11,797,863
MRG DESIGN LLC	76,243,380	77,224,698
MARK ( CHIONG TAI ) INTERNATIONAL LIMITED	5,135,684	5,201,785
<b>Cộng</b>	<b><u>5,006,176,025</u></b>	<b><u>3,429,687,611</u></b>

**Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn**

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/12/2021

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/12/2021

**16.1 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm/kỳ		Số cuối năm/kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế giá trị gia tăng	-	-	-	-	-	-
Thuế nhập khẩu	-	-	-	(690,391,605)	-	690,391,605
Thuế tài nguyên	-	-	3,993,600	(3,993,600)	-	-
Tiền thuế đất	-	-	5,036,217,113	(5,036,217,113)	-	-
Thuế môn bài	-	-	47,237,000	(47,237,000)	-	-
Thuế TNDN	4,389,359,898	-	8,245,361,346	(5,473,911,744)	7,160,809,500	-
Thuế TNCN	126,077,705	-	1,206,799,947	(3,889,151,308)	-	2,556,273,656
Thuế khác (Thuế nhà thầu)	14,183,529	-	108,345,223	(122,228,899)	299,853	-
<b>Cộng</b>	<b>4,529,621,132</b>	<b>-</b>	<b>14,647,954,229</b>	<b>(15,263,131,269)</b>	<b>7,161,109,353</b>	<b>3,246,665,261</b>

**16.2. Chi phí thuế TNDN**

	Kỳ này/Năm nay	Kỳ /Năm trước
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>44,264,422,593</b>	<b>67,033,811,487</b>
- Các khoản điều chỉnh tăng	<b>8,328,921,424</b>	<b>11,792,919,801</b>
- Chi phí không hợp lệ	2,102,200,290	623,535,794
- Hoàn lại chi phí thuế TNDN của dự phòng nợ khó đòi	2,689,246,622	9,795,404,507
- Dự phòng lương phép, trợ cấp mất việc làm	819,809,131	374,279,003
- Lỗi do đánh giá lại công nợ và tiền gửi có gốc ngoại tệ	2,717,665,381	999,700,497
- Các khoản điều chỉnh giảm	<b>(15,682,253,710)</b>	<b>(23,936,643,005)</b>
- Dự phòng lương, trợ cấp mất việc làm đã chi	(1,436,897,208)	(1,322,951,251)
- Hoàn nhập hoàn lại dự phòng Blue LLC	(9,795,404,507)	(21,686,975,631)
- Lợi nhuận được chia	-	(20,212,800)
- Hoàn nhập lỗ chênh lệch tỷ giá năm trước	(999,700,497)	(213,297,628)
- Điều chỉnh giảm hàng dự phòng tồn kho	(3,450,251,498)	(693,205,695)
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>36,911,090,307</b>	<b>54,890,088,283</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>	<b>7,382,218,061</b>	<b>10,978,017,657</b>
<b>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</b>	<b>863,143,285</b>	<b>-</b>
<b>Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b>8,245,361,346</b>	<b>10,978,017,657</b>

**Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn**

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/12/2021

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/12/2021

**17. Phải trả người lao động**

	Số cuối năm/kỳ	Số đầu năm
Tiền lương phải trả	14,840,342,729	19,166,270,302
Tiền lương tháng 13	16,679,307,778	34,042,465,474
<b>Cộng</b>	<b>31,519,650,507</b>	<b>53,208,735,776</b>

**18. Chi phí phải trả ngắn hạn/dài hạn****18a. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối năm/kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác (100%)</i>	<i>4,534,633,503</i>	<i>6,053,005,907</i>
Tiền lương phép phải trả	3,970,925,630	4,570,000,000
Chi phí lãi vay phải trả	-	77,282,268
Chi phí kiểm toán	317,999,998	367,999,996
Chi phí trích trước chi phí gia công, giặt, In,..	245,707,875	1,037,723,643
<b>Cộng</b>	<b>4,534,633,503</b>	<b>6,053,005,907</b>

**19. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác****19a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối năm/kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>32,200,000</i>	<i>32,200,000</i>
Công ty Tân Mỹ	32,200,000	32,200,000
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>1,588,108,538</i>	<i>2,596,503,063</i>
Trợ cấp thai sản	208,995,216	208,995,216
Kinh phí công đoàn	608,817,824	1,602,507,644
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp	280,047,554	290,112,259
CÔNG TY TNHH DỆT QUỐC TẾ COSMOS	304,389,519	304,389,519
Đoàn phí công đoàn	146,340,000	150,980,000
Chia lãi cổ tức	39,518,425	39,518,425
<b>Cộng</b>	<b>1,620,308,538</b>	<b>2,628,703,063</b>

**20. Vay và nợ thuê tài chính****20a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm/kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng (*)	-	364,417,918,906
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>364,417,918,906</b>

**Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn**

252 Nguyễn Văn Lương, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/12/2021

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/12/2021

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm/kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số đầu năm (Nguyên tệ)	Số tiền vay phát sinh trong năm/kỳ	Số tiền vay phát sinh trong năm/kỳ (Nguyên tệ)	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn (Nguyên tệ)	Số tiền vay đã trả trong năm/kỳ	Số tiền vay đã trả trong năm/kỳ (Nguyên tệ)	Số cuối năm/kỳ	Số cuối năm/kỳ (Nguyên tệ)
Vay ngắn hạn ngân hàng	364,417,918,906	15,697,520	351,081,721,634	15,283,905.13	-	715,499,640,540	30,981,424.79	-	-
NH TMCP NGOẠI THƯƠNG VN - CN TPHCM	364,417,918,906	15,697,519.66	311,209,828,871	13,546,929.57		675,627,747,777	29,244,449.23	-	-
NGÂN HÀNG QUÂN ĐỘI - CHI NHÁNH BẮC SÀI GÒN	-	-	39,871,892,763	1,736,975.56		39,871,892,763	1,736,975.56	-	-
<b>Cộng</b>	<b>364,417,918,906</b>	<b>15,697,519.66</b>	<b>351,081,721,634</b>	<b>15,283,905.13</b>	<b>-</b>	<b>715,499,640,540</b>	<b>30,981,424.79</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<u>Kỳ/Năm nay</u>	<u>Kỳ/Năm trước</u>
Số đầu năm	1,397,314,527	4,013,989,170
Sử dụng quỹ	(606,563,051)	(2,616,674,643)
<b>Số cuối năm/kỳ</b>	<b>790,751,476</b>	<b>1,397,314,527</b>

**Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn**

252 Nguyễn Văn Lương, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Bảo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/12/2021

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/12/2021

**22. Vốn chủ sở hữu****22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cổ phiếu quỹ	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Cộng
Số đầu năm trước	178,809,280,000	167,155,036,481	(863,138,686)	28,314,942,370	67,754,774,402	441,170,894,567
Lợi nhuận trong kỳ /năm trước		16,452,016,585		-		16,452,016,585
Tăng vốn điều lệ do phát hành cổ phiếu và trả cổ tức bằng cổ phiếu	121,243,520,000			44,372,885,000		165,616,405,000
<b>Số dư cuối kỳ /năm trước</b>	<b>300,052,800,000</b>	<b>183,607,053,066</b>	<b>(863,138,686)</b>	<b>72,687,827,370</b>	<b>67,754,774,402</b>	<b>623,239,316,152</b>
Số dư đầu năm nay	300,052,800,000	183,607,053,066	(863,138,686)	72,687,827,370	67,754,774,402	623,239,316,152
Lợi nhuận trong năm/kỳ này	-	34,474,412,054				34,474,412,054
Tăng vốn điều lệ chia cổ tức bằng cổ phiếu năm 2020 theo NQ 42/NQ-HĐQT/21 ngày 28/09/2021	29,949,790,000	(29,949,790,000)				-
<b>Số dư cuối năm nay/kỳ này</b>	<b>330,002,590,000</b>	<b>188,131,675,120</b>	<b>(863,138,686)</b>	<b>72,687,827,370</b>	<b>67,754,774,402</b>	<b>657,713,728,206</b>

**22.b Cổ phiếu**

	Số lượng	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu được phép phát hành		
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	33,000,259	30,005,280
Cổ phiếu phổ thông	33,000,259	30,005,280
Cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	(49,260)	(49,260)
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	32,950,999	29,956,020
<b>Tổng cộng</b>	<b>33,000,259</b>	<b>30,005,280</b>

**23. Ngoại tệ các loại**

	Số cuối năm/kỳ	Số đầu năm
<b>Dollar Mỹ (USD)</b>	<b>13,995,956.29</b>	<b>24,786,556.10</b>
NH TNHH MTV HSBC (VIỆT NAM) - CN TPHCM	917,980.85	2,251,511.26
NGÂN HÀNG FIRST BANK	5,696.07	5,696.07
NH TMCP NGOẠI THƯƠNG VN - CN TPHCM	5,560,138.73	10,562,769.00
NGÂN HÀNG QUÂN ĐỘI - CN BẮC SÀI GÒN	7,512,140.64	11,966,579.77
<b>Tổng cộng</b>	<b>13,995,956.29</b>	<b>24,786,556.10</b>

**Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn**

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/12/2021

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Năm nay	Năm nay (USD)	Năm trước	Năm trước (USD)
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm				
† Doanh thu xuất khẩu	706,139,868,165	30,882,196	1,342,707,691,217	58,027,529
† Doanh thu nội địa	12,048,606,481		4,054,438,083	-
<b>Cộng</b>	<b>718,188,474,646</b>	<b>30,882,195.75</b>	<b>1,346,762,129,300</b>	<b>58,027,529.18</b>

**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH May Tân Mỹ	742,298,490	1,915,979,081
Công ty TNHH Garmex - Quảng Nam	1,161,514,208	4,058,760,934
Công Ty CP SXKD XNK Bình Thạnh	346,521,477,764	124,609,858,400
<b>Cộng</b>	<b>348,425,290,462</b>	<b>130,584,598,415</b>

**1c. Thông tin bổ sung về doanh thu cho thuê tài sản**

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH May Tân Mỹ	3,038,216,957	10,441,379,467
<b>Cộng</b>	<b>3,038,216,957</b>	<b>10,441,379,467</b>
<b>Tổng Cộng</b>	<b>1,069,651,982,065</b>	<b>30,882,195.75</b>

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm nay	Năm nay (USD)	Năm trước	Năm trước (USD)
Giảm giá hàng bán	-	-	395,745,150	17,139
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>395,745,150</b>	<b>17,139.13</b>

**3. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng bán	946,683,335,374	1,295,144,021,245
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(1,149,331,967)
<b>Cộng</b>	<b>946,683,335,374</b>	<b>1,293,994,689,278</b>

**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ chênh lệch tỷ giá	17,008,022,133	11,214,055,772
Cổ tức và lợi nhuận được chia	-	20,212,800
Chiết khấu thanh toán	6,746,833	26,937,288
Lãi tiền gửi	37,195,892	286,860,235
<b>Cộng</b>	<b>17,051,964,858</b>	<b>11,548,066,095</b>

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

**Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn**

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/12/2021

**5. Chi phí tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	3,398,903,219	8,120,811,733
Chi phí dự phòng tài chính	(9,578,369,756)	12,681,000,055
Chi phí chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	18,165,199,016	11,840,783,332
<b>Cộng</b>	<b>11,985,732,479</b>	<b>32,642,595,120</b>

**6. Chi phí bán hàng**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí vận chuyển, xuất nhập hàng	7,521,953,741	12,197,488,807
<b>Cộng</b>	<b>7,521,953,741</b>	<b>12,197,488,807</b>

**7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	57,110,503,560	73,145,529,495
Chi phí dự phòng nợ xấu	2,778,389,157	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6,113,540,048	6,740,913,706
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9,698,124,674	9,808,581,824
Chi phí đồ dùng văn phòng (CCDC)	1,702,197,530	1,438,332,669
Chi phí khác bằng tiền	2,772,792,625	4,488,015,042
<b>Cộng</b>	<b>80,175,547,594</b>	<b>95,621,372,736</b>

**8. Thu nhập khác**

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	245,353,555	1,525,285,950
Các khoản khác	3,681,691,303	1,027,505,260
<b>Cộng</b>	<b>3,927,044,858</b>	<b>2,552,791,210</b>

**9. Chi phí khác**

	Năm nay	Năm trước
Các khoản khác	-	3,261,909
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>3,261,909</b>

**10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	361,988,498,894	753,436,469,852
Chi phí nhân công	267,016,225,897	356,870,369,109
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14,523,064,650	16,015,302,175
Chi phí Công cụ dụng cụ	9,332,327,967	4,705,883,769
Chi phí dịch vụ mua ngoài	309,196,619,872	249,677,443,554
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	2,778,389,157	-
Chi phí khác	4,788,832,959	14,024,640,004
<b>Cộng</b>	<b>969,623,959,396</b>	<b>1,394,730,108,463</b>



**Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn**

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/12/2021

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/12/2021

**VII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

1 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: không có

2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

-Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm công ty

3 . Thông tin về các bên liên quan

a. Các giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan:

*Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan.**Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:*

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Giá trị giao dịch (VND)
Công ty TNHH May Tân Mỹ	Công ty con	Doanh thu dịch vụ	3,780,515,447
Công ty TNHH May Tân Mỹ	Công ty con	Chi phí Gia công	123,050,042,572
Công ty TNHH Garmex - Quảng Nam	Công ty con	Chi phí Gia công	142,756,155,931
Công ty TNHH Garmex - Quảng Nam	Công ty con	Doanh thu dịch vụ	1,161,514,208
Công ty Cổ Phần Transimex	Đồng nhân sự chủ chốt	Chi phí vận chuyển	1,984,653,135
Công ty CP SXKD XNK Bình Thạnh	Đồng nhân sự chủ chốt	Doanh thu Gia công - dịch vụ	346,521,477,764
Công ty CP SXKD XNK Bình Thạnh	Đồng nhân sự chủ chốt	Chi phí NPL, vận chuyển hàng hóa liên quan đến quá trình gia công	322,843,065

b. Các khoản công nợ phải thu, phải trả tại ngày 31/12/2021 với các bên có liên quan :

Các bên liên quan	Nội dung	Số dư công nợ
Công ty TNHH May Tân Mỹ	Phải thu	583,783,040
Công ty TNHH Garmex - Quảng Nam	Phải thu	129,694,542
Blue Sai gon LLC	Phải thu	45,851,131,128
Công ty CP SXKD XNK Bình Thạnh	Phải thu	118,704,285,818

**Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn**

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/12/2021

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/12/2021

**c. Các khoản công nợ phải thu, phải trả tại ngày 31/12/2021 với các bên có liên quan :**

Các bên liên quan	Nội dung	Số dư công nợ
Công ty TNHH May Tân Mỹ	Phải trả	13,734,417,250
Công ty TNHH Garmex - Quảng Nam	Phải trả	92,714,738,886
Công ty Cổ Phần Transimex	Phải trả	37,928,825
Công ty CP SXKD XNK Bình Thạnh	Phải trả	24,510,568

**4. Thông tin bộ phận****a. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Tập đoàn chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh sản phẩm trong ngành may mặc. Công ty không tiến hành lập báo cáo tài chính bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 "Báo cáo bộ phận".

**b. Bộ phận theo khu vực địa lý**

Tập đoàn hiện nay chủ yếu hoạt động tại Việt Nam, đơn vị kinh doanh ngoài Việt Nam (Công ty con của Công ty TNHH Garmex Quảng Nam được thành lập tại Hoa Kỳ) có tài sản, doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh chiếm không trọng yếu trong tổng tài sản, doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh của tập đoàn. Do đó, Ban Tổng Giám đốc quyết định không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 "Báo cáo bộ phận".

**5. Giải trình lợi nhuận sau thuế TNDN tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh so với báo cáo cùng kỳ năm trước có biến động từ 10% trở lên****5.1 Giải trình lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ban hành ngày 16/11/2020 của Bộ tài chính hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, nay Công Ty CP Garmex Sài Gòn giải trình lợi nhuận sau thuế TNDN tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của quý công bố so với quý cùng kỳ năm trước có biến động :

**Giải trình lợi nhuận sau thuế TNDN tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Quý 4/2021 có lãi tăng hơn so****\*\* với Quý 4/2020 :**

-Lợi nhuận sau thuế TNDN Quý 4 năm 2020:	25,174,470,838
-Lợi nhuận sau thuế TNDN Quý 4 năm 2021:	31,571,814,675
=> Chênh lệch so với năm trước	6,397,343,837
Tỷ lệ phần trăm lợi nhuận tăng tương ứng	25.41%

**Nguyên nhân Lợi nhuận sau thuế TNDN Quý 4/2021 có lãi hơn so quý 4 /2020**

-Doanh thu thuần quý 4 năm 2021 giảm 97,987,96,643 đồng tỷ lệ giảm 26,86% so với quý 4 năm 2020. Doanh thu giảm mạnh là do tình hình dịch bệnh Covid - 19 bùng phát mạnh đồng thời giá cạnh tranh nên đơn hàng xuất khẩu nhận được từ khách hàng giảm

- Tuy nhiên giá vốn, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 107,159,934,114 đồng tương ứng giảm 31,47% cao hơn tỷ lệ giảm doanh thu.

- Chi phí tài chính Quý 4/2021 giảm ít hơn Quý 4/2020 là 3,332,166,897 đồng, chủ yếu do giảm khoản hoàn nhập dự phòng đầu tư tại công ty con (Quý 4/2021 công ty hoàn nhập dự phòng đầu tư công ty con là 3,615,172,033 đồng, Quý 4/2020 công ty hoàn nhập dự phòng đầu tư công ty con là 9,318,666,370 đồng)

-> Từ những yếu tố trên làm cho lợi nhuận sau thuế của Quý 4/2021 lãi hơn so với cùng kỳ

**Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn**

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/12/2021

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính 2021 vào ngày 31/12/2021

\*\*

**Giải trình Lợi nhuận sau thuế TNDN tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm 2021 so với năm 2020**

-Lợi nhuận sau thuế TNDN 12 tháng năm 2020:	53,487,745,156
-Lợi nhuận sau thuế TNDN 12 tháng năm 2021:	34,474,412,054
> Chênh lệch so với năm trước giảm	19,013,333,102
Tỷ lệ phần trăm lợi nhuận tương ứng giảm	35.55%

Nguyên nhân Lợi nhuận sau thuế TNDN 12 tháng năm 2021 giảm với 12 tháng năm 2020 chủ yếu là do:

- Doanh thu thuần năm 2021 giảm 417,740,379,967 đồng tỷ lệ giảm 28,09% do đơn hàng xuất khẩu giảm và giá cạnh tranh nên công ty phải chuyển một phần năng lực để gia công từ vải
- Giá vốn giảm 347,311,353,903 đồng , tỷ lệ giảm 26,84% do chủ yếu doanh thu hàng xuất khẩu giảm nên giảm chi phí nguyên phụ liệu giá vốn giảm
- Chi phí bán hàng giảm 4,675,535,066 đồng, tỷ lệ giảm 62,16 % chủ yếu do đơn hàng xuất khẩu giảm nên chi phí xuất nhập hàng hóa giảm
- Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 15,445,825,142 đồng, tỷ lệ giảm 16,15% chủ yếu là giảm khoản chi phí lương do công ty định biên lại lao động và giảm khoản thưởng
- Doanh thu hoạt động tài chính tăng 5,503,898,763 đồng , tỷ lệ tăng 47,66 % do ảnh hưởng của tỷ giá
- Chi phí tài chính giảm 20,656,862,641 đồng, tỷ lệ giảm 63,28% do năm 2020 công ty đã trích dự phòng đầu tư công ty con là 12,681,000,055 đồng; sang năm 2021 công ty con hoạt động có hiệu quả nên đã hoàn nhập dự phòng đầu tư vào công ty con số tiền là 9,578,369,756 đồng nên chi phí tài chính giảm

=> Từ những yếu tố trên làm cho lợi nhuận sau thuế năm 2021 giảm hơn so với cùng kỳ.

**6. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC**

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

Trần Thị Thu Trâm  
Người lập biểu

Trần Thị Mỹ Hạnh  
Kế toán trưởng



Lê Hùng  
Tổng giám đốc

